

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM



ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phú Mỹ, tháng 04/2021

NỘI DUNG
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Stt	Nội dung
1	Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 và đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
5	Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.
6	Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021.
7	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
8	Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
9	Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
10	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

TỜ TRÌNH

V/v: Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

I. MỤC TIÊU:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Điều kiện tham dự: Cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/03/2021) được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

+ Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND/căn cước công dân hoặc Hộ chiếu) và thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

+ Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy mức độ cụ thể, Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 146 của Luật Doanh nghiệp .

+ Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

III. ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

- Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định:

+ Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.

+ Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo Pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

IV. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết.

- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại phải cài đặt chế độ họp.

- Cổ đông thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo vệ tài liệu Đại hội.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Thẻ biểu quyết màu hồng.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

- Cổ đông nếu vì lý do cá nhân ra về trước lúc biểu quyết mà không thông báo với Đoàn chủ tịch thì được coi như tán thành tất cả nội dung biểu quyết của Đại hội kể từ thời điểm ra về.

2. Cách biểu quyết:

Đối với các vấn đề biểu quyết để thông qua, theo hướng dẫn của đoàn Chủ tịch Đại hội, cổ đông giơ Thẻ biểu quyết lựa chọn các phương án: Tán thành; không tán thành hoặc không có ý kiến, theo từng vấn đề cần thông qua tại Đại hội.

000
CỔ
CỔ
CỔ
VIỆ
Y T

3. Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông:

Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề trong Đại hội được thông qua khi đạt được số cổ đông đại diện sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt tham dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1,3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

VI. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu vào phiếu đặt câu hỏi, sau đó chuyển cho tổ giúp việc cho đoàn Chủ tịch (hoặc cổ đông có thể giao thẻ biểu quyết xin được phát biểu trực tiếp tại Đại hội sau khi được đoàn chủ tịch chấp thuận). Tổ giúp việc có trách nhiệm tổng hợp ý kiến gửi cho đoàn Chủ tịch thông qua Thư ký Đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tịch Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

- Thành phần: Đoàn Chủ tịch có 03 thành viên.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

+ Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo chương trình Đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

+ Trả lời hoặc chỉ định những người có trách nhiệm giải đáp các vấn đề do Đại hội yêu cầu.

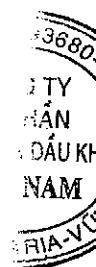
+ Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội đề cử và thông qua tại Đại hội. Ban kiểm tra tư cách có trách nhiệm kiểm tra tư cách đại biểu và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu.



- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

- Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu đặt câu hỏi của các cổ đông qua tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

+ Phổ biến các nguyên tắc biểu quyết, bỏ phiếu.

+ Tiến hành kiểm phiếu.

+ Công bố trước Đại hội kết quả kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

+ Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết.

Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quyết Thắng

Số: .02./TTr-HĐQT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Phê duyệt Báo cáo kết quả SXKD năm 2020,
Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Hội đồng quản trị công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu kinh tế như báo cáo kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, BGD (để biết);
- Lưu VT.



Số: 03./BC-BODK

Phú Mỹ, ngày 03 tháng 04 năm 2021

V/v: Báo cáo tổng kết quả hoạt động SXKD
năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

PHẦN 1: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Khái quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 là một năm nền kinh tế trong nước gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và bất lợi, Ban lãnh đạo PVCoating cùng toàn thể cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, chung sức, đổi mới tư duy làm việc, chuyên nghiệp trong công việc, tận dụng các cơ hội và triển khai quyết liệt đồng bộ nhiều giải pháp hiệu quả như xây dựng các kịch bản để chủ động ứng phó, tìm kiếm thêm các dịch vụ thi công ngoài ngành như sơn chống ăn mòn, bọc bảo ôn/cách nhiệt, sơn chống cháy, bọc cao su, gia công kết cấu thép,...vv, tăng cường công tác tiết giảm chi phí, kiểm soát và thu hồi công nợ tại các dự án đã hoàn thành cùng với sự hỗ trợ tích cực từ các đơn vị trong và ngoài ngành và đặc biệt là sự chỉ đạo, quan tâm giúp đỡ của Ban lãnh đạo PV Gas. PVCoating đã thi công hoàn thành tại 02 dự án trọng điểm Quốc gia là Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh và Sao Vàng - Đại Nguyệt theo đúng tiến độ tiến độ, đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu kỹ thuật đã góp phần vào thành công chung của cả chuỗi dự án.

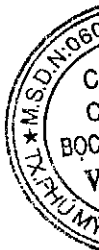
Bên cạnh đó, với việc trúng thầu tại các dự án ngoài ngành như gói thầu sơn chống ăn mòn ống cọc cho Nippon Steel, bọc Bend cho Thanglong Technical, bọc Field joint cho Thiennam Offshore, sơn bồn khí LPG cho Công ty LPG,... đã giúp Công ty duy trì được công việc làm thường xuyên, ổn định thu nhập cho hơn 157 cán bộ công nhân viên. Ngoài việc hoàn thành các nhiệm vụ đã được Tổng Công ty PV Gas giao thì hầu hết các chỉ tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVCoating cũng hoàn thành vượt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng: kế hoạch là 608,6 tỷ đồng, thực hiện 695,14 tỷ đồng, vượt 114% so với kế hoạch, trong đó:

+ Dự án Nam Côn Sơn 2 – điều chỉnh: kế hoạch 458,6 tỷ đồng, thực hiện 515,54 tỷ đồng, vượt 112% so kế hoạch;

+ Dự án Sao Vàng – Đại Nguyệt: kế hoạch 115,0 tỷ đồng, thực hiện 115,06 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

+ Các dự án ngoài ngành: kế hoạch 35,0 tỷ đồng, thực hiện đạt 64,55 tỷ đồng, vượt 184% so kế hoạch.



- Doanh thu: kế hoạch là 608,6 tỷ đồng, thực hiện 707,3 tỷ đồng, vượt 116% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: kế hoạch là 60,81 tỷ đồng, thực hiện 74,21 tỷ đồng, vượt 122% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: kế hoạch là 48,64 tỷ đồng, thực hiện 60,54 tỷ đồng, vượt 125% so với kế hoạch.

- Nộp ngân sách Nhà nước: kế hoạch là 35,96 tỷ đồng, thực hiện 50,17 tỷ đồng, vượt 140% so với kế hoạch.

Đồng thời với việc luôn đảm bảo hoàn thành các dự án theo đúng tiến độ yêu cầu thì Công ty cũng tập trung chú trọng về các mặt chất lượng, an toàn, môi trường trong hoạt động sản xuất. Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường do tổ chức đăng kiểm DNV-GL đánh giá cấp chứng chỉ chứng nhận vào hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2. Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh:

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh đạt được:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so sánh	
						TH năm 2020/KH năm 2020	TH năm 2020/năm 2019
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[6]/[5]	[8]=[6]/[4]
1	Giá trị sản lượng	Tỷ Đ	381,80	608,60	695,14	114%	182%
2	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	382,60	608,60	707,30	116%	185%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	51,80	60,80	74,21	122%	143%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	37,30	48,60	60,54	125%	162%
5	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	50,90	35,90	50,17	140%	99%
6	Thực hiện đầu tư mua sắm TTB	Tỷ Đ	-	5,00	-		
7	Giải ngân vốn đầu tư mua sắm TTB	Tỷ Đ	-	5,00	-		
+	Vốn chủ sở hữu		-	5,00	-		
+	Vốn vay		-	-	-		

2.2. Tình hình triển khai thực hiện tại các dự án:

- Dự án Nam Côn Sơn 2 – điều chỉnh: Hoàn thành thi công bọc 3LPE+CWC với khối lượng khoảng 100 km ống 26” và bàn giao toàn bộ ống thành phẩm cho chủ đầu tư Ban Đông Nam Bộ theo đúng tiến độ yêu cầu. Hoàn thành công tác nghiệm thu và bàn giao hồ sơ hoàn công của dự án.

- Dự án Sao Vàng – Đại Nguyệt: Hoàn thành thi công bọc 3LPE+CWC với khối lượng 45,6 km ống 26” & 18” và bàn giao toàn bộ ống thành phẩm cho tổng thầu PTSC theo đúng tiến độ yêu cầu. Hoàn thành công tác nghiệm thu và bàn giao hồ sơ hoàn công của dự án.

- Hoàn thành hợp đồng sơn chống ăn mòn cho Nippon Steel Vietnam tại các dự án (Mombasa, LNG-Canada, Vân Phong, Gemadept) với khối lượng khoảng 1.500 ồng cọc có đường kính từ 0,8m - 1,5m, chiều dài từ 6,0 m – 42,0m.

- Hoàn thành hợp đồng thi công bọc Field Joint trên biển và trên bờ cho Công ty Thiennam Offshore, PVC-PT, PTSC POS, YOHO; thi công bọc chống ăn mòn Bend cho khách hàng Thăng Long Technical; gia công kết cấu thép bồn LPG Công ty LPG; thi công sửa đầu ồng cho Công ty DONGYANG, ..vv.

2.3. Công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn:

- Dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 1:

+ Công tác quyết toán: Đã thống nhất và ký quyết toán hợp đồng bọc ồng với Ban Đông Nam Bộ trong tháng 12/2020, giá trị hợp đồng tạm tính là 1.046,76 tỷ đồng (sau thuế), giá trị quyết toán hợp đồng là 879,63 tỷ đồng (sau thuế) giảm so với hợp đồng là (167,13) tỷ đồng. PV Gas thực hiện theo yêu cầu của kiểm toán Nhà nước về nội dung cập nhật lại định mức, đơn giá bọc ồng và đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn Viện khoa học công nghệ Xây dựng – Phân viện khoa học công nghệ xây dựng Miền Nam (IBST) để tiến hành thẩm tra cập nhật lại định mức, đơn giá bọc ồng để làm cơ sở quyết toán hợp đồng bọc ồng. Như vậy, Giá trị quyết toán hợp đồng bị giảm so với hợp đồng đã ký do các nguyên nhân sau: (i) khối lượng quyết toán bọc ồng bị giảm so với khối lượng hợp đồng; (ii) đơn giá bọc ồng tại hợp đồng giảm do cập nhật lại đơn giá bọc ồng mới theo định mức, đơn giá bọc ồng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt ban hành lại.

+ Công tác thanh toán: Đã thanh toán hết 100% giá trị quyết toán hợp đồng bọc ồng với chủ đầu tư.

- Dự án Nam Côn Sơn 2 – điều chỉnh:

+ Công tác quyết toán: Đã thống nhất và ký quyết toán hợp đồng bọc ồng với Ban Đông Nam Bộ trong tháng 12/2020, giá trị hợp đồng tạm tính là 983,03 tỷ đồng (sau thuế) bao gồm: (i) phần giá trị thi công bọc ồng và các dịch vụ liên quan là 936,22 tỷ đồng; (ii) phần giá trị dự phòng cho khối lượng phát sinh là 46,81 tỷ đồng. Giá trị quyết toán hợp đồng là 943,54 tỷ đồng (sau thuế) giảm so với hợp đồng là (39,49) tỷ đồng. Nguyên nhân giá trị quyết toán giảm so với hợp đồng là do không thực hiện hết phần giá trị dự phòng cho khối lượng phát sinh (dự án có khối lượng phát sinh nhỏ).

+ Công tác thanh toán: Đã thanh toán được 850,21/943,54 tỷ đồng (sau thuế) đạt 90%, đang tiếp tục đôn đốc Ban Đông Nam Bộ thanh toán hết giá trị còn lại của hợp đồng là 93,32 tỷ đồng theo quy định.

- Dự án Sao Vàng – Đại Nguyệt:

+ Công tác quyết toán: Đã thống nhất giá trị quyết toán hợp đồng bọc ồng với tổng thầu PTSC, giá trị hợp đồng tạm tính là 126,57 tỷ đồng (sau thuế), giá trị quyết toán hợp đồng là 126,57,63 tỷ đồng (sau thuế).

+ Công tác thanh toán: Đã thanh toán được 101,7/126,5 tỷ đồng (sau thuế) đạt 80%, đang tiếp tục đôn đốc tổng thầu PTSC thanh toán hết giá trị còn lại của hợp đồng là 24,9 tỷ đồng theo quy định.

- Hầu hết các hợp đồng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành (sơn chống ăn mòn, bọc bend, Filed Joint, ..vv) đều được thanh toán theo đúng tiến độ hợp đồng, không bị tình trạng nợ đọng vốn.

2.4. Công tác tìm kiếm việc làm, chào giá và đấu thầu:

Để tìm kiếm công việc trong lĩnh vực bọc ống cũng như tập trung phát triển mở rộng thêm các lĩnh vực mới, Công ty đã tích cực tham gia đấu thầu tại các dự án trong và ngoài nước có các phần công việc mà đơn vị có thể thi công được, cụ thể:

- Nộp hồ sơ đề xuất gói thầu thi công bọc ống tuyến ống bờ (Onshore) cho các tổng thầu (Vietsovetro, PTSC) và tuyến ống biển dự án Lô B Ô Môn cho các tổng thầu (PTSC, Saipem, L&T Hydrocarbon, Allseas,....vv) theo đúng thời hạn yêu cầu.

- Nộp hồ sơ chào giá thi công bọc ống, bọc field joint tại các dự án: (i) dự án LNG Bạc Liêu cho McDermott; (ii) dự án LNG Thị Vải cho Tổng thầu PTSC; (iii) dự án Nam Sông Hậu cho PSM Gas Engineering.

- Thực hiện báo giá bọc ống, cung cấp dịch vụ sơn chống ăn mòn, bọc bảo ôn chống cháy, gia công kết cấu thép, ..vv cho các khách hàng trong và ngoài ngành theo yêu cầu.

2.5. Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị:

Theo kế hoạch năm 2020 được duyệt thì Công ty sẽ đầu tư mua sắm trang một số trang thiết bị để phục vụ thi công trên công trường với giá trị 5,0 tỷ đồng, tuy nhiên sau khi đánh giá lại nhu cầu và nhận thấy chưa cần thiết nên Công ty đã tạm dừng triển khai để tiết kiệm chi phí.

2.6 Công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV, thực hiện khám chuyên sâu cho lao động trực tiếp tại các vị trí sản xuất có yếu tố độc hại.

- Thực hiện tập kết và thu gom rác thải đúng theo quy định, không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến môi trường. Thuê đơn vị có chức năng xử lý vào thu gom rác thải thường xuyên và theo định kỳ.

- Cải tiến thường xuyên và duy trì áp dụng hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT trong hoạt động SXKD, tổ chức tái đánh giá cấp lại chứng chỉ theo định kỳ.

- 100% công nhân lao động trực tiếp đều được cấp phát BHLĐ, trang thiết bị cá nhân theo đúng quy định và yêu cầu công việc. Tại các vị trí làm việc độc hại/ô nhiễm/nguy hiểm đều được trang bị BHLĐ chuyên dụng.

2.7. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định/hiệu chuẩn

- Trong năm 2020 Công ty đã triển khai sửa chữa một số hạng mục công trình của NMBO bị hư hỏng/xuống cấp (mái nhà xưởng 5LPP, nhà kho, ..vv) để phục vụ cho hoạt động sản xuất của nhà máy bọc ống.

- Thực hiện công tác BDSC thường xuyên theo định kỳ và đột xuất nhằm duy trì hoạt động liên tục của máy móc và dây chuyền thiết bị nhằm phục vụ hoạt

động sản xuất của NMBO, hoàn thành 100% kế hoạch, tất cả công tác bảo dưỡng định kỳ, đột xuất đều do Công ty thực hiện.

- Tất cả các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất đều đã được kiểm định/hiệu chuẩn trước khi đưa vào sử dụng. Công tác đăng kiểm, kiểm định máy móc thiết bị được thực hiện theo đúng thời hạn quy định Nhà nước.

3. Về công tác quản trị, quản lý vốn và tiết giảm chi phí

3.1. Về công tác quản trị, quản lý vốn, tài sản:

- Xây dựng, lập phương án sử dụng tiền nhàn rỗi có hiệu quả, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tổ chức rà soát lại toàn bộ công tác hạch toán, kế toán và tổ chức đối chiếu công nợ đầy đủ với các khách hàng.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy trình, quy chế quản lý của Công ty cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Tập trung thu hồi các khoản công nợ tại các dự án đã hoàn thành, cân đối nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động SXKD.

3.2. Về tiết giảm, tiết kiệm chi phí:

Công ty đã thực hiện rà soát và tiết giảm tất cả các chi phí liên quan trong hoạt động SXKD tại đơn vị (chi phí quản lý, dịch vụ, văn phòng phẩm, tiếp khách, hội họp, chi phí công tác, ..vv) theo đúng chỉ thị của Lãnh đạo Tổng Công ty tại công văn số 12/CT-KVN ngày 13/5/2020 “V/v Thực hiện tiết giảm chi phí”. Trong quá trình sản xuất tại các dự án, Công ty đã áp dụng các sáng kiến/cải tiến kỹ thuật và biện pháp thi công trong sản xuất, qua đó đã góp phần tiết giảm từ 5% - 7% chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm ca máy và các khâu sản xuất trung gian, ..vv quá đó đã góp phần tiết kiệm được khoảng 21,18 tỷ đồng cho cả năm 2020, vượt chỉ tiêu về tiết giảm chi phí của Tổng Công ty giao là 19,95 tỷ đồng, đạt 106,2% kế hoạch.

4. Công tác tuyển dụng, lao động tiền lương và đào tạo

4.1 Công tác tuyển dụng, ký hợp đồng lao động và tiền lương:

a). Tuyển dụng và ký hợp đồng lao động:

- Công ty đã thực hiện thuê đơn vị dịch vụ cung ứng lao động công nhân kỹ thuật để tham gia sản xuất cho các dự án bọc ống và các dự án ngoài ngành nhằm đáp ứng tiến độ yêu cầu.

- Việc tuyển dụng cán bộ, người lao động vào làm việc tại Công ty căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh và định biên lao động đã được Tổng công ty và Hội đồng quản trị phê duyệt, tổng số lao động đến thời điểm hiện tại là 157 người. 100% người lao động trong công ty được hướng dẫn ký kết Hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

b). Công tác tiền lương:

- Công ty Áp dụng Quy chế trả lương thưởng theo đúng quy định pháp luật và quy chế Công ty, tiền lương bình quân người lao động năm 2020 là 18,4 triệu đồng/người/tháng.

4.2. Công tác đào tạo:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn; tập trung đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ công nhân kỹ thuật vận hành và cán bộ quản lý.

- Hoàn thành 100% các khoá huấn luyện về ATVSLĐ (Nhóm 1, 2, 3, 4, 5; huấn luyện sơ cấp cứu tại nơi làm việc; Nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, vv... theo yêu cầu của pháp luật.

- Tăng cường tổ chức các khoá đào tạo nội bộ trong lĩnh vực bọc ống, vv.. để thực hiện các dự án trọng điểm cho ngành Dầu khí: Bọc ống Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh, Sao vàng - Đại Nguyệt và chủ động tìm kiếm, thực hiện các dự án mới trong và ngoài ngành Dầu khí.

- Tổ chức cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các khóa học theo yêu cầu của pháp luật, tổng cộng 700 lượt người tham gia với số tiền hơn 400 triệu đồng.

5. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

5.1 Công tác an sinh xã hội:

- Tổ chức gặp mặt CBCNV nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tặng quà cho các cháu là con CBCNV Công ty nhân ngày 01/6. Tham gia các phong trào xã hội, chính trị do tổ chức Công Đoàn, Đoàn thanh niên Tổng Công ty phát động.

- Tổ chức phát động làm thêm giờ vào thứ bảy, chủ nhật để quyên góp cứu trợ cho đồng bào Miền Trung bị lũ lụt do thiên tai trong năm 2020.

5.2 Hoạt động của tổ chức Công đoàn Công ty:

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các sự kiện chính trị của Công ty.

- Tham gia các hoạt động phong trào vì cộng đồng: Tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tháng Thanh niên; Ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến trường nhân dịp năm học mới và Tết Trung thu; tổ chức đi thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách nhân Ngày Thương binh – Liệt sỹ (27/7).

5.3 Hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty:

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty thực hiện sự theo sự chỉ đạo Nghị quyết của các cấp Đảng ủy; sự chỉ đạo của Đoàn Tổng công ty.

- Tổ chức Chương trình gói bánh chưng tặng các gia đình khó khăn trên địa bàn nhân dịp tết cổ truyền của dân tộc; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ thể thao chào mừng các sự kiện chính trị của Công ty.

- Từ các hoạt động phong trào thi đua, Đoàn Thanh niên đã giới thiệu cho tổ chức Đảng các cấp những đoàn viên ưu tú để theo dõi, tiếp tục bồi dưỡng và kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch 2021:

Kế hoạch SXKD năm 2021 của PVCoating được xây dựng trên cơ sở kế hoạch triển khai dự án bọc ống Lô B Ô Môn - Công ty điều hành đường ống Tây

Nam và một số các dự án sơn chống ăn mòn ống cọc, bọc mối nối Field Joint, ..vv cho các khách hàng ngoài ngành (Nippon Steel, Vietnam Engnery..vv).

Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung phát triển mảng dịch vụ thi công bọc bảo ôn/cách nhiệt đường ống công nghệ và bồn bể, bọc Rubber Lining, thi công xây lắp, ..vv cho các nhà máy khí/điện/đạm, nhà máy LNG, ..vv nhằm duy trì công việc làm, ổn định thu nhập cho CBCNV trong năm 2021.

2. Chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể:

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ Đ	90,00	
2	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	90,00	
3	Lợi nhuận TT	Tỷ Đ	(12,19)	
4	Lợi nhuận ST	Tỷ Đ	(12,19)	
5	Nộp NSNN	Tỷ Đ	3,26	
6	Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ Đ	5,00	
7	Giải ngân vốn ĐTXDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ Đ	5,00	
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	5,00	
	- Vốn vay	Tỷ Đ	-	

2.2. Kế hoạch sản xuất:

- Thi công sơn chống ăn mòn cho khoảng 200.000 m² ống cọc, ống tháp gió cho các khách hàng Nippon Steel, Vietnam Engnery..vv với giá trị doanh thu khoảng 60 tỷ. Thời gian thực hiện từ Quý I/2021 đến Quý IV năm 2021.

- Thi công bọc ống, bọc cách nhiệt, bọc mối nối Field Joint, sơn chống ăn mòn kết cấu thép, gia công cơ khí,..vv cho khách hàng ngoài ngành với giá trị doanh thu khoảng 30 tỷ. Thời gian thực hiện từ Quý I/2021 đến Quý IV năm 2021.

2.3. Kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị:

Nhằm tăng cường năng lực về thiết bị, máy móc để phục vụ thi công tại các dự án trên công trường/dự án có yêu cầu sử dụng thiết bị trong năm 2021, Công ty dự kiến sẽ mua sắm một số các thiết bị máy thi công với giá trị khoảng 5,0 tỷ đồng.

(Việc triển khai mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất chỉ được thực hiện khi phát sinh công việc cần các thiết bị này để phục vụ thi công).

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị dịch vụ bọc ống, sơn chống ăn mòn, bọc bảo ôn/cách nhiệt, sửa chữa đường ống khí, ..vv đến các khách hàng trong và ngoài ngành để tìm kiếm thêm công việc. Tích cực tham gia đấu thầu chào giá thi công

tại tất cả các lĩnh vực liên quan đến gia công cơ khí, chống ăn mòn, thi công xây lắp để tạo việc làm và ổn định thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

- Áp dụng các kỹ thuật mới, các sáng kiến, cải tiến vào hoạt động sản xuất nhằm nâng cao năng suất sản phẩm, năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm tỷ lệ sản phẩm bị lỗi xuống mức thấp nhất.

- Tổ chức các khóa học đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV trong các lĩnh vực thi công bọc ống và trên công trường (sơn chống ăn mòn, bọc bảo ôn, bọc Wrapping, ..vv) và bảo dưỡng sửa chữa để sẵn sàng thi công khi có dự án.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ tại các dự án hoàn thành nhằm tái sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả. Kiểm soát tốt dòng tiền để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.

- Theo sát thông tin về kế hoạch, tiến độ triển khai đấu thầu của chủ đầu tư tại dự án Lô B Ô Môn để tham gia đấu thầu gói thầu bọc ống của dự án, tính toán đầy đủ chi phí theo các phương án kỹ thuật để xây dựng đơn giá chào thầu ở mức hợp lý và cạnh tranh nhất, đảm bảo khả năng trúng thầu.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần bọc ống Dầu khí Việt Nam. Để hoàn thành thành tốt kế hoạch năm tới, Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam, các đơn vị thành viên trong Tập đoàn và các đối tác để PVCoating tiếp tục hoàn thiện, phát triển.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty PVCoating, xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ to lớn và quý báu của Lãnh đạo Tổng Công ty Khí Việt Nam, các ban chuyên môn và các đơn vị trong Ngành, các đối tác, các cơ quan hữu quan tại địa phương tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu và Khu công nghiệp Phú Mỹ 1; Cảm ơn sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị Công ty; sự nỗ lực, cống hiến hết sức mình của tập thể người lao động; sự tận tâm và phối hợp có hiệu quả của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng như sự hiện diện của tất cả các Quý vị đại biểu có mặt tại Đại hội. Cuối cùng, thay mặt cho tập thể Lãnh đạo PVCoating kính chúc toàn thể Quý vị và gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT (báo cáo);
- BKS, các PGĐ (phối hợp chỉ đạo);
- Các đơn vị (để thực hiện)
- Lưu VT.



Số: 04/BC - HĐQT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam xin gửi đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021:

I. Kết quả giám sát Ban giám đốc thực hiện vụ quản lý, điều hành trong năm 2020:

Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2020, cụ thể như sau:

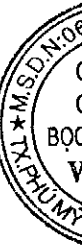
- Tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức chỉ đạo Sản xuất kinh doanh, khắc phục các khó khăn để hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2020;
- Khắc phục khó khăn tại từng thời điểm, không ngừng nâng cao năng lực quản trị Công ty để hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông;
- Thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền quyết định của Ban điều hành;
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, chỉ đạo Ban điều hành về công tác tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm thiết bị, mua sắm vật tư, công tác tài chính, ...theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty;

II. Hoạt động trong năm 2020 của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để thực hiện nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao, Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp với Ban điều hành để tổ chức thực hiện Bọc ống Dự án “đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2” điều chỉnh và Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, ngoài ra cùng với Ban điều hành tìm kiếm thêm các công việc ngoài ngành, nhận thêm các dịch vụ khác để duy trì việc làm cho người lao động, duy trì hoạt động thường xuyên cho Công ty, từ đó góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội thông qua.

- Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông năm 2020, Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.



- Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2020 và Ủy quyền cho giám đốc Quyết định, tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của các Dự án đầu tư xây dựng trong năm 2020 thuộc thẩm quyền Quyết định của Hội đồng quản trị;

- Phê duyệt cấp hạn mức tín dụng với các Ngân hàng thương mại cổ phần nhằm có đủ nhu cầu vốn phục vụ thi công sản xuất Bọc ống Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh và Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt;

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 20/05/2020 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông đúng thời gian Quy định;

- Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác tu hồi công nợ, thanh quyết toán các dự án hoàn thành khi đủ điều kiện, đặc biệt:

+ Đã thanh quyết toán xong hợp đồng bọc ống dự án Nam Côn 2 giai đoạn 1 với Ban Đông Nam Bộ trong tháng 12/2020, giá trị quyết toán hợp đồng là 879,63 tỷ đồng (sau thuế) giảm so với hợp đồng là (167,13) tỷ đồng.

+ Đã quyết toán hợp đồng bọc ống dự án Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh với Ban Đông Nam Bộ trong tháng 12/2020, với giá trị thi công bọc ống và các dịch vụ liên quan là 936,22 tỷ đồng.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, dây chuyền, đạo tạo đầy đủ theo yêu cầu của Pháp luật để đáp ứng được việc thi công Bọc ống Dự án “Đường ống dẫn Khí Nam Côn Sơn 2” điều chỉnh và Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt.

- Chỉ đạo việc công bố kịp thời các thông tin đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Qua đánh giá những kết quả đã đạt được trong năm 2020, những hạn chế, tồn tại cần khắc phục, Hội đồng quản trị sẽ rút kinh nghiệm và không ngừng nâng cao năng lực quản lý, điều hành đồng thời hỗ trợ Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị năm 2020:

Ngoài chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Thành viên thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

2.1 Ông Lê Quyết Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Ngoài việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Chủ tịch sẽ chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách lĩnh vực:

- Chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, Công tác Tổ chức Nhân sự, đổi mới doanh nghiệp của Công ty;
- Công tác tài chính liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng vốn, trích lập các quỹ và sử dụng quỹ;
- Theo dõi, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác của Hội đồng quản trị;

Nhận xét: Ông Lê Quyết Thắng đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

2.2 Ông Lê Hồng Hải – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty:

Ngoài việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và của Giám đốc Công ty theo quy định tại Điều lệ, Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan:

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; Trực tiếp chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Công tác tài chính kế toán của Công ty; Công tác kiểm tra các báo cáo tài chính; Công tác Nhân sự, tiền lương, tuyển dụng, đào tạo của Công ty;
- Phụ trách công tác đối ngoại, tiếp thị, phát triển thị trường, công nghệ của Công ty; Triển khai công tác đầu tư theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Tổ chức triển khai, thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông Lê Hồng Hải đã thực hiện và hoàn thành tốt vai trò trách nhiệm của Thành viên HĐQT và vai trò trách nhiệm của Giám đốc Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

2.3 Ông Bùi Hữu Dương – Thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của Luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Công tác Đầu tư xây dựng của Công ty (các thủ tục pháp lý về quản lý các dự án đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, thực hiện dự án đầu tư).
- Công tác kế hoạch tháng, quý, năm và theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty;

- Công tác thu hồi công nợ, công tác quyết toán các dự án; Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông Bùi Hữu Dương đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

2.4 Ông Đào Văn Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của Luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Tham gia xây dựng kế hoạch của Công ty; Công tác thu hồi công nợ, công tác quyết toán các dự án;

- Tham gia chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông Đào Văn Hưng đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

2.5 Ông Vũ Tuấn Ngọc - Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định Luật khác có liên quan.

- Tham gia cho ý kiến xây dựng kế hoạch của Công ty; Theo dõi thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông Vũ Tuấn Ngọc đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của Thành viên Độc lập HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

III. Tổng kết các cuộc họp và các Quyết định của Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp của Hội đồng.

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp trực tiếp 05 lần và xin ý kiến các Thành viên hội đồng quản trị bằng văn bản 16 lần để xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được kịp thời.

Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia trực tiếp của các Thành viên Hội đồng quản trị trừ trường hợp đi công tác, các lần xin ý kiến các Thành viên bằng văn bản đều nhận được sự phản hồi đồng thuận của các Thành viên.

Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 20/05/2020 với sự có mặt tham dự của tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị.

Xem xét thông qua báo cáo liên quan đến tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, các kiến nghị của các cổ đông và của các cơ quan hữu quan.

Ngoài ra Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi trực tiếp Ban điều hành để cùng tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo công tác thanh quyết toán dự án đã hoàn thành, thu hồi công nợ, đồng thời cho ý kiến chỉ đạo trực tiếp trong hoạt động sản xuất.

2. Các Nghị quyết, Quyết định củ Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành 17 Nghị quyết và 07 Quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong Công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

III. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

1. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đã được Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP chấp thuận và các Dự án Bọc ống trong ngành Dầu khí dự kiến thực hiện, các dịch vụ khác có tiềm năng trong năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	90,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(12,19)
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(12,19)
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	3,26
5	Chia cổ tức	%	0%

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng trong và ngoài ngành, trong và ngoài nước đảm bảo duy trì việc làm liên tục, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.

- Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để bọc ống cho Dự án Lô B – Ô Môn ngay khi ký hợp đồng.

- Kiểm soát chi phí, định mức sản xuất, kế hoạch sử dụng/phân bổ nhân sự trên cơ sở phù hợp với khối lượng công việc tại từng thời điểm trong năm 2021. Thực hiện tiết giảm chi phí trong tất cả các hoạt động của Công ty.

- Thực hiện rà soát, cập nhật sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các Quy chế, Quy định của Công ty cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước và tình hình thực tiễn của Công ty.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ; xây dựng phương án xử lý dứt điểm đối với công nợ tồn đọng.

- Thực hiện rà soát, xác định năng lực cần thiết và tổ chức đào tạo đảm bảo 100% CBCNV của Công ty được huấn luyện, đào tạo theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư các Dự án tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và chỉ thực hiện đầu tư khi có nhu cầu thật sự cần thiết và đảm bảo hiệu quả khi đầu tư.

- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất của Ban điều hành để cho ý kiến chỉ đạo kịp thời trong sản xuất.

- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của ĐHQĐ, Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với ban điều hành thường xuyên cập nhật, theo dõi, nắm bắt thông tin các Dự án bọc ồng trong ngành và các dịch vụ ngoài ngành để có kế hoạch chuẩn bị vật tư, nhân lực để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch và phương hướng hoạt chủ động chủ yếu năm 2021, kính trình Đại hội đồng Cổ đông nghiên cứu, đóng góp bổ sung và xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS, BGD (để biết);
- Lưu VT.



TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua báo cáo hoạt động năm 2020,
phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát
và lựa chọn đơn vị độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating),

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát và Đề xuất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính trong số các Công ty kiểm toán hàng đầu (Deloitte, Ernst and Young, KPMG và PricewaterhouseCoopers).

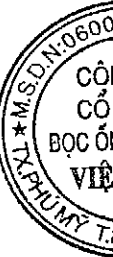
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.



Lê Đức Hòa



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ
KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021**

I. Hoạt động trong năm 2020:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Kiểm tra giám sát:

- Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã được đề ra, phản ánh những kết quả đã đạt được cũng như các nội dung cần lưu ý, khắc phục và hoàn thiện trong hoạt động và công tác quản trị nội bộ của PVcoating. Toàn bộ các tài liệu của Ban kiểm soát (Biên bản, công văn, báo cáo..) đều được gửi đến Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty PVcoating.
- Xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của PVcoating; kết quả kiểm tra, kiểm toán của các Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị kiểm toán độc lập về tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý sử dụng vốn, tài sản cũng như các hoạt động đầu tư, mua sắm; công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, phòng chống lãng phí, tiêu cực; các hoạt động khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, Tổng công ty..
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hữu quan có thẩm quyền.

b. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Tiến hành thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm để góp phần hạn chế các sai sót trong tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, tuân thủ yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng. Kết quả thẩm định cho thấy:
 - + Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PVcoating tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;
 - + Báo cáo tài chính năm 2020 của PVcoating đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán theo quy định tại điều lệ PVcoating và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020;
 - + Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2020 của PVcoating là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn vốn;
 - + Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định;
 - + Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- + Thực hiện báo cáo quản trị định kỳ theo quy định của PVGas;
- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi thông tin định kỳ và đột xuất, phối hợp cùng làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để ghi nhận và xử lý các ý kiến của kiểm toán viên.

c. Các cuộc họp và quyết định của Ban kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp:

- Lần 1: ngày 20/05/2020, nội dung bầu Trưởng ban kiểm soát
- Lần 2: ngày 25/05/2020, nội dung phân công công việc cho từng Thành viên trong Ban kiểm soát
- Lần 3: ngày 10/07/2020, nội dung thảo luận:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý II năm 2020
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 2/2020.
- Lần 4: ngày 26/08/2020, nội dung soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm năm 2020
- Lần 5: ngày 15/10/2020, nội dung thảo luận:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý III năm 2020
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 3/2020.

Ngoài ra Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp. Ban kiểm soát cũng chủ động trao đổi với Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo PVcoating khi có các phát sinh, nội dung cần lưu ý.

2. Hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Lê Đức Hòa: lĩnh vực phụ trách
 - Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện;
 - Tiếp nhận báo cáo kết quả kiểm soát của các kiểm soát viên và tổ chức họp để xử lý (nếu cần);
 - Thực hiện kế hoạch được đại hội cổ đông Pvcoating và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (Tổng công ty) phê duyệt;
 - Thực hiện các chỉ đạo của Tổng công ty, khuyến nghị của các cơ quan thanh, kiểm tra và các cơ quan hữu quan khác...;
 - Sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ;
 - Mua sắm thường xuyên phục vụ SXKD, cung ứng dịch vụ;
 - Đầu tư mua sắm TSCĐ;
 - Quản lý tài sản nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho;
 - Huy động vốn, tiền gửi tại các TCTD;
 - Phân phối thu nhập, kết quả SXKD.

Đánh giá: với vai trò Trưởng ban kiểm soát, Ông Lê Đức Hòa đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy Ban kiểm soát tinh gọn, hoạt động đều đặn, hiệu quả; đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị công ty...

- Bà Phạm Thị Ánh Tuyết, phụ trách các lĩnh vực:

- kê khai, nộp và thanh quyết toán với cơ quan Thuế;
- Thanh quyết toán tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác cho CBCNV và các khoản trích nộp theo quy định;

Đánh giá: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đã xem xét, kiểm tra và có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị dòng tiền, kê khai và quyết toán thuế...

- Bà Tô Thị Huyền, phụ trách các lĩnh vực:
 - Quản lý tài sản (TSCĐ, hàng tồn kho...);
 - Quản lý công nợ;
 - Trích lập dự phòng.

Đánh giá: Bà Tô Thị Huyền đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đã xem xét, kiểm tra và có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị hàng tồn kho, công nợ...

II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số tháng làm việc trong năm 2020	Thực hiện năm 2020			
				Số tiền được ĐHCĐ năm 2020 phê duyệt	Tổng thu nhập thực tế		
					Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng
1	Lê Đức Hòa	Trưởng BKS	7,4	400,287,542	401,399,904		19,521,037
2	Trịnh Mạnh Cường	Trưởng BKS kiêm nhiệm	4,6	12,000,000		13,950,000	
3	Phạm Thị Ánh Tuyết	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12	24,000,000		24,000,000	
4	Tô Thị Huyền	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12	24,000,000		24,000,000	
	Tổng cộng			460,287,542	401,399,904	61,950,000	19,521,037

III. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2020 không phát sinh giao dịch

IV. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm 2020:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Đã ban hành 17 nghị quyết và 07 quyết định đúng thẩm quyền quy định trong điều lệ;
- Đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát Ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, đạt kết quả tốt, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

2. Hoạt động của Ban giám đốc

- Đã triển khai, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/ Quyết định/ Chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
- Tổ chức bộ máy hoạt động hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả;
- Chỉ đạo sát sao, khắc phục các khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là vừa sản xuất vừa thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo thi công bọc ống cho hai dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2 và Sao Vàng – Đại Nguyệt đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết.
- Đã bám sát chủ đầu tư và các cơ quan quản lý hữu quan để thực hiện quyết toán dự án Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1 và giai đoạn 2, dự án Sao Vàng – Đại nguyệt ngay khi kết thúc thi công, nghiệm thụ, bàn giao cho khách hàng. Đây là nỗ lực rất lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho năm 2021.
- Duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng hiện hữu, mở rộng và thường xuyên tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, khách hàng mới, đơn hàng mới.

V. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm 2020:

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể Hội đồng quản trị đã mời BKS tham dự các cuộc họp, ghi nhận các ý kiến của Ban kiểm soát (nếu có) trong các cuộc họp thường kỳ và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Ban giám đốc cử nhân sự phối hợp làm việc cùng Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu.

Ban kiểm soát đã chủ động liên hệ, trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi thấy có công việc phát sinh, nội dung cần lưu ý trong quá trình triển khai tác nghiệp.

VI. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với các Cổ đông:

Ban kiểm soát đã phối hợp với cổ đông lớn (PVGas) trong hoạt động kiểm tra, giám sát PVcoating đồng thời BKS đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu của PVGas.

Trong năm 2020 không có yêu cầu của các cổ đông khác với Ban kiểm soát.

VII. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2020.

- Hoàn thành vượt mức kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:
 - + Doanh thu 695,1 tỷ VNĐ (bằng 114,2% kế hoạch)
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt 60,5 tỷ VNĐ (bằng 124,6% kế hoạch)
- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 với mức cổ tức 10% vào ngày 12/10/2020
- Đã lựa chọn công ty Công ty TNHH PWC (Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm 2020.
- Đã thực hiện các nội khác trong nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2020.

VIII. Phương hướng hoạt động trong năm 2021 của Ban kiểm soát

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp 2020 và điều lệ công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- Cập nhật Quy chế hoạt động Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành;
- Tổ chức bộ máy Ban kiểm soát hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ điều lệ công ty, đúng theo quy chế Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Xem xét, đóng góp ý kiến (nếu có) đối với các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, đấu thầu và các hoạt động khác...
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập để đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính;
- Phối hợp triển khai công tác kiểm toán nội bộ bắt đầu từ năm 2021;
- Thực hiện giám sát tình hình thực hiện các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông;

IX. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính trong số các công ty kiểm toán hàng đầu (Deloitte, Ernst and Young, KPMG và PWC).

Số: 13 /BC-BKS

Phú Mỹ, ngày 03 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam,*

Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, các báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam như sau:

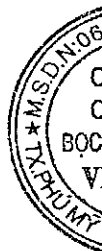
I. Cơ sở thẩm định:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, báo cáo tài chính năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021, Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng Quản trị, đính kèm BB hợp số 02/BB-HĐQT ngày 15/03/2021 về việc xem xét bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.
- Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

II. Nội dung công việc đã thực hiện:

Thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, các báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động quản lý, điều hành năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, Ban kiểm soát đã tiến hành:

- Rà soát việc trình bày báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 trên các lĩnh vực hoạt động, sự phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của Công ty.
- Đối chiếu các số liệu trong báo cáo với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2020, với BCTC đã được kiểm toán bởi công ty TNHH PwC (Việt nam)
- Rà soát việc trình bày các BCTC của Công ty đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.



- + Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách.
- + Đánh giá tính hợp lý và thận trọng của các đánh giá cũng như các ước tính của Công ty trong trình bày BCTC (các ước tính ảnh hưởng đến việc tính toán và ghi nhận doanh thu, chi phí, thu nhập, và trích các khoản dự phòng trong kỳ)
- Rà soát đối chiếu báo kết quả hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị với các văn bản có liên quan như : biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị/ báo cáo quý/năm của Giám đốc về kết quả điều hành sản xuất kinh doanh ...

III. Kết quả thẩm định:

1) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đã trình bày đầy đủ các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty : Sản xuất sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia công đường ống, kiểm tra, phân tích kỹ thuật và cấp chứng chỉ chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bọc bê tông gia trọng và bồn bể chứa, công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, TSCĐ ...; công tác tái cấu trúc hoạt động và công tác quản trị của Công ty, đặc biệt là quản trị tài chính/vốn/giá thành... Báo cáo cũng đã trình bày đầy đủ về công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí, kế hoạch/chiến lược/ lao động và đào tạo, hoạt động của các tổ chức đoàn thể..., đồng thời cũng đề xuất phương án phân phối lợi nhuận cho năm 2020.
- Số liệu các chỉ tiêu trình bày trong báo cáo phù hợp với Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2020, với BCTC đã được kiểm toán bởi công ty TNHH PwC phát hành kèm theo công văn số 54/TB-BODK ngày 09/03/2021.

2) Các báo cáo tài chính năm 2020

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày tại các BCTC năm 2020 đã kiểm toán của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Các chính sách và phương pháp kế toán được áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán.
- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ. Thuyết minh BCTC hợp nhất cho thấy các chỉ tiêu trên BCTC được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.
- Các ước tính của Công ty khi trình bày các BCTC là hợp lý và thận trọng.

3) Báo cáo về công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

- Báo cáo đã phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản trị, điều hành của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật. HĐQT đã thực hiện đầy đủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. HĐQT bảo đảm Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cũng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cổ đông tình hình tài chính, kết quả kinh doanh hàng quý thông qua các báo cáo định kỳ. Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng thẩm quyền của HĐQT, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được chỉ tiêu tài chính đề ra trong năm 2020.
- HĐQT luôn bảo đảm Ban kiểm soát có được các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của HĐQT trong hoạt động quản trị, điều hành, thực hiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

IV. Kết luận:

Với kết quả thẩm định như trên, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh : đã phản ánh đầy đủ và hợp lý tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và cả các lĩnh vực khác như công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, TSCĐ...; Công tác tái cấu trúc hoạt động và công tác quản trị của Tổng công ty, công tác quản trị tài chính/vốn/giá thành, công tác nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hoạt động của các tổ chức đoàn thể Phương án phân phối lợi nhuận trên cơ sở kết quả kinh doanh, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và các qui định có liên quan.
- Các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan.
- Báo cáo kết quả quản lý của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị trên các lĩnh vực, tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Một số chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020
I	Tổng tài sản	587.675
1	Tài sản ngắn hạn	529.553
2	Tài sản dài hạn	58.121
II	Tổng nguồn vốn	587.675
1	Nợ phải trả	176.567
-	Nợ ngắn hạn	145.048
-	Nợ dài hạn	31.518
2	Vốn chủ sở hữu	411.108
III	Kết quả sản xuất kinh doanh	
1	Doanh thu thuần	695.138
2	Giá vốn hàng bán	585.003
3	Lợi nhuận gộp	110.134
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	65.407
5	Lợi nhuận trước thuế	74.215
6	Lợi nhuận sau thuế	60.551

Trên đây là kết quả thẩm định của Ban kiểm soát Công ty về các báo cáo (i) kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; (ii) báo cáo tài chính năm 2020; (iii) báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.



Số: 06../TTr - HĐQT

Phủ Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam. Hội đồng quản trị đã Quyết định lựa chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty (chi tiết báo cáo đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, BGD (để biết);
- Lưu VT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỌC ỚNG DẦU KHÍ
VIỆT NAM
L. QUÝẾT THẮNG
T. B. A. R. I. A. - V. U. N. G. T. R. U. M. Y.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0600393680 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 2 tháng 7 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quyết Thắng	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Hải	Thành viên
Ông Bùi Hữu Dương	Thành viên
Ông Đào Văn Hưng	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đức Hòa	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2020)
Ông Trịnh Mạnh Cường	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2020)
Bà Tô Thị Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Hồng Hải	Giám đốc
-----------------	----------

Trụ sở chính

Đường 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ
Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Hồng Hải
Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 8 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính, theo đó Ban Giám đốc của Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 liên quan đến việc điều chỉnh giá trị dịch vụ bọc ống của Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1.

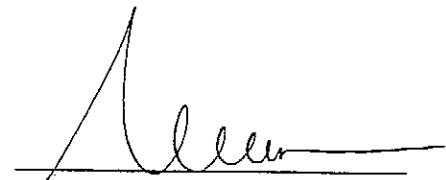
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 về khả năng thu hồi của khoản phải thu ngắn hạn với giá trị là 44.273.615.688 Đồng từ Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ cũng như các khoản phải trả cần phải ghi nhận bổ sung (nếu có).



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10073
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		529.553.664.432	766.194.498.849
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	72.804.817.811	44.794.045.595
111	Tiền		42.804.817.811	24.794.045.595
112	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	20.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		84.000.000.000	65.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	84.000.000.000	65.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		210.156.055.880	358.053.830.915
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	219.353.620.954	357.092.626.671
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		60.000.000	3.209.087.019
136	Phải thu ngắn hạn khác		1.917.204.585	4.820.122.893
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(11.174.769.659)	(7.492.145.388)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	424.139.720
140	Hàng tồn kho	7	134.763.184.512	251.602.236.520
141	Hàng tồn kho		154.002.011.940	270.970.586.688
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.238.827.428)	(19.368.350.168)
150	Tài sản ngắn hạn khác		27.829.606.229	46.744.385.819
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.287.813.883	20.202.593.473
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	26.541.792.346	26.541.792.346
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		58.121.670.096	67.989.818.369
210	Các khoản phải thu dài hạn		481.025.473	481.025.473
216	Phải thu dài hạn khác		481.025.473	481.025.473
220	Tài sản cố định		52.554.731.852	62.744.902.876
221	Tài sản cố định hữu hình	9	51.385.792.219	62.405.437.807
222	Nguyên giá		602.561.292.995	601.712.094.995
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(551.175.500.776)	(539.306.657.188)
227	Tài sản cố định vô hình		1.168.939.633	339.465.069
228	Nguyên giá		2.741.397.400	1.596.397.400
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.572.457.767)	(1.256.932.331)
240	Tài sản dở dang dài hạn		90.000.000	343.500.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		90.000.000	343.500.000
260	Tài sản dài hạn khác		4.995.912.771	4.420.390.020
261	Chi phí trả trước dài hạn		482.048.566	546.719.986
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	17	4.513.864.205	3.873.670.034
270	TỔNG TÀI SẢN		587.675.334.528	834.184.317.218


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)
300	NỢ PHẢI TRẢ		176.567.016.617	453.780.416.730
310	Nợ ngắn hạn		145.048.609.508	436.351.739.068
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	25.447.703.087	70.037.427.981
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	586.221.914	121.903.178.522
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	19.509.254.852	7.735.821.407
314	Phải trả người lao động		17.663.058.849	9.554.077.503
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	5.024.666.761	2.331.744.832
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		144.156.575	72.578.282
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	54.197.068.935	44.637.443.839
320	Vay ngắn hạn	15	-	169.908.948.046
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	17.428.677.662	9.050.349.783
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	5.047.800.873	1.120.168.873
330	Nợ dài hạn		31.518.407.109	17.428.677.662
342	Dự phòng phải trả dài hạn	16	31.518.407.109	17.428.677.662
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		411.108.317.911	380.403.900.488
410	Vốn chủ sở hữu		411.108.317.911	380.403.900.488
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	215.999.980.000	215.999.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		215.999.980.000	215.999.980.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	9.850.000.000	9.850.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	16.881.930.064	16.881.930.064
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	168.376.407.847	137.671.990.424
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		107.824.990.424	100.309.751.279
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		60.551.417.423	37.362.239.145
440	TỔNG NGUỒN VỐN		587.675.334.528	834.184.317.218


Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

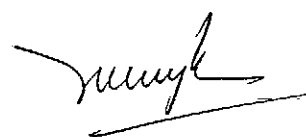



Lê Hồng Hải
Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

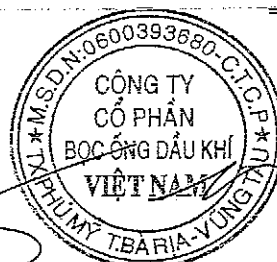

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2020 VND	2019 VND	
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.138.281.566	382.615.410.166	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	695.138.281.566	382.615.410.166	
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(585.003.750.468)	(300.888.810.200)	
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	110.134.531.098	81.726.599.966	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.013.684.931	8.966.729.129	
22	Chi phí tài chính	(4.857.617.941)	(1.662.095.794)	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(4.731.197.368)	(1.567.781.667)	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(42.882.879.551)	(31.515.504.938)	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	65.407.718.537	57.515.728.363	
31	Thu nhập khác	9.164.126.229	875.698.585	
32	Chi phí khác	(356.262.149)	(6.543.026.879)	
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	8.807.864.080	(5.667.328.294)	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74.215.582.617	51.848.400.069	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(14.304.359.365)	(18.359.830.958)	
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	640.194.171	3.873.670.034	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.551.417.423	37.362.239.145	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.196	1.355
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.196	1.355



Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hải
Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2021


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.215.582.617	51.848.400.069
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	12.280.971.024	13.576.767.541
03	Các khoản dự phòng	26.021.158.857	20.243.063.795
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.785.437	(15.303.218)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.934.614.696)	(8.684.549.591)
06	Chi phí lãi vay	4.731.197.368	1.567.781.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	114.329.080.607	78.536.160.263
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	143.601.631.171	(334.258.292.500)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	116.968.574.748	(132.048.709.862)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(164.209.405.450)	178.249.132.572
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	18.979.451.010	(19.586.192.449)
14	Tiền lãi vay đã trả	(5.014.275.059)	(1.284.703.976)
15	Thuế TNDN đã nộp	16.265.325.858	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.172.368.000)	(2.980.820.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	236.748.014.885	(233.373.425.952)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(1.837.300.000)	(2.687.952.272)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	433.545.454
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	(144.000.000.000)	(200.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	125.000.000.000	283.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	3.548.683.189	6.976.385.208
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.288.616.811)	87.721.978.390
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn	15 95.276.785.500	169.908.948.046
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15 (265.185.733.546)	-
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	21 (21.538.438.000)	(15.076.906.600)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(191.447.386.046)	154.832.041.446
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	28.012.012.028	9.180.593.884
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 44.794.045.595	35.613.474.516
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.239.812)	(22.805)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	72.804.817.811	44.794.045.595


Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




Lê Hồng Hải
Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 2 tháng 7 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 24 tháng 12 năm 2013 với mã chứng khoán là PVB theo Quyết định số 624/QĐ-SGDHN ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tải đường ống; đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hiệp công nghiệp đô thị và dịch vụ; đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công; đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí; kiểm tra, phân tích kỹ thuật chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bê tông gia trọng và bồn bể chứa; thi công các công trình xây dựng; và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 157 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 157 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá dịch vụ và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao (tiếp theo)*

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 8 năm
TSCĐ khác	3 – 8 năm

TSCĐ hữu hình là máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến dự án bóc ống được khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ do thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số sản lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định; và
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, các TSCĐ hữu hình được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành đã khấu hao hết.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

22 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.26 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí cho năm đang báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Ước tính kế toán (tiếp theo)**

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 6);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 7);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 9); và
- Dự phòng phải trả (Thuyết minh 16).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	123.333.826	152.523.752
Tiền gửi ngân hàng	42.681.483.985	24.641.521.843
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	20.000.000.000
	<u>72.804.817.811</u>	<u>44.794.045.595</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>84.000.000.000</u>	<u>84.000.000.000</u>	<u>65.000.000.000</u>	<u>65.000.000.000</u>

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng, và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Ống thép Nippon Steel & Sumikin Việt Nam	7.676.253.149	2.159.820.427
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	4.070.537.460	
Khác	4.862.172.141	3.493.724.337
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	202.744.658.204	351.439.081.907
	<u>219.353.620.954</u>	<u>357.092.626.671</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 11.853.524.859 Đồng và 10.703.064.388 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 6.

6 NỢ KHÓ ĐÒI

	2020		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	11.853.524.859	678.755.200	11.174.769.659
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí - Công ty thành viên thuộc Tập đoàn	5.842.366.173	-	5.842.366.173
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí - Công ty thành viên thuộc Tập đoàn	4.860.698.667	-	4.860.698.667
Khác	1.150.460.019	678.755.200	471.704.819
	2019		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	10.703.064.840	3.210.919.452	7.492.145.388
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí - Công ty thành viên thuộc Tập đoàn	5.842.366.173	1.752.709.852	4.089.656.321
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí - Công ty thành viên thuộc Tập đoàn	4.860.698.667	1.458.209.600	3.402.489.067

7 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	149.474.296.210	(19.238.827.428)	260.710.682.399	(19.368.350.168)
Công cụ, dụng cụ	567.463.314	-	518.664.819	-
Chi phí SXKD dở dang	3.960.252.416	-	8.326.313.899	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.414.925.571	-
	<u>154.002.011.940</u>	<u>(19.238.827.428)</u>	<u>270.970.586.688</u>	<u>(19.368.350.168)</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bảo hiểm	1.287.813.883	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa	-	15.780.287.179
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	3.681.518.657
Khác	-	740.787.637
	<u>1.287.813.883</u>	<u>20.202.593.473</u>

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	20.202.593.473	283.851.476
Tăng	7.672.506.877	38.290.775.294
Phân bổ trong năm	(26.587.286.467)	(18.372.033.297)
Số dư cuối năm	<u>1.287.813.883</u>	<u>20.202.593.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

9 TSCĐ HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	109.737.592.549	402.452.555.282	85.703.561.649	2.990.002.997	828.382.518	601.712.094.995
Mua trong năm	-	750.000.000	-	195.800.000	-	945.800.000
Thanh lý trong năm	-	-	-	(96.602.000)	-	(96.602.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	109.737.592.549	403.202.555.282	85.703.561.649	3.089.200.997	828.382.518	602.561.292.995
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	71.077.264.559	393.338.116.533	72.138.437.691	2.226.415.024	526.423.381	539.306.657.188
Khấu hao trong năm	4.765.335.120	1.302.415.354	5.441.455.278	380.042.472	76.197.364	11.965.445.588
Thanh lý trong năm	-	-	-	(96.602.000)	-	(96.602.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	75.842.599.679	394.640.531.887	77.579.892.969	2.509.855.496	602.620.745	551.175.500.776
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	38.660.327.990	9.114.438.749	13.565.123.958	763.587.973	301.959.137	62.405.437.807
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	33.894.992.870	8.562.023.395	8.123.668.680	579.345.501	225.761.773	51.385.792.219

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 427.110.792.890 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 426.158.308.290 Đồng).

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	7.156.428.635	10.886.921.426
Dimet Wasser (M) Sdn Bhd	2.930.973.400	2.940.516.400
Công ty TNHH ARK Engineering	2.785.795.313	7.423.802.000
Khác	12.476.781.739	28.379.653.307
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	97.724.000	20.406.534.848
	<u>25.447.703.087</u>	<u>70.037.427.981</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	229.889.300	579.088.327
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	356.332.614	121.324.090.195
	<u>586.221.914</u>	<u>121.903.178.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a) Phải thu (*)					
Thuế TNDN	(18.247.482.237)	-	-	-	(18.247.482.237)
Thuế Giá trị Gia tăng	(8.294.310.109)	-	-	-	(8.294.310.109)
	<u>(26.541.792.346)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(26.541.792.346)</u>
(b) Phải nộp					
Thuế Giá trị Gia tăng	245.216.331	69.556.639.103	(17.778.100.412)	(37.732.317.831)	14.291.437.191
Thuế TNDN	7.157.093.409	14.304.359.365	(16.265.325.858)	-	5.196.126.916
Thuế thu nhập cá nhân	333.511.667	1.568.037.356	(1.879.858.278)	-	21.690.745
Thuế nhập khẩu	-	1.254.806.408	(1.254.806.408)	-	-
	<u>7.735.821.407</u>	<u>86.683.842.232</u>	<u>(37.178.090.956)</u>	<u>(37.732.317.831)</u>	<u>19.509.254.852</u>

(*) Số dư thuế phải thu Nhà nước thể hiện số thuế điều chỉnh liên quan đến giá trị quyết toán của dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn – Giai đoạn 1 (Thuyết minh 35). Ban Giám đốc của Công ty đánh giá khả năng thu hồi của khoản thuế phải thu này là cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thực hiện dự án	3.449.338.227	1.943.667.141
Chi phí sử dụng nhãn hiệu	518.484.000	-
Chi phí lãi vay	-	283.077.691
Khác	1.056.844.534	105.000.000
	<u>5.024.666.761</u>	<u>2.331.744.832</u>

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	42.536.433.934	42.551.512.278
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	9.533.235.652	-
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 21)	807.518.000	745.956.000
Khác	1.319.881.349	1.339.975.561
	<u>54.197.068.935</u>	<u>44.637.443.839</u>

(*) Tài sản thừa chờ xử lý thể hiện giá trị hàng tồn kho kiểm kê thừa chưa rõ nguyên nhân.

15 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	83.740.512.000	38.063.326.500	(121.803.838.500)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	48.446.606.250	46.179.315.000	(94.625.921.250)	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	16.557.631.200	11.034.144.000	(27.591.775.200)	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	21.164.198.596	-	(21.164.198.596)	-
	<u>169.908.948.046</u>	<u>95.276.785.500</u>	<u>(265.185.733.546)</u>	<u>-</u>

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả thể hiện các khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện đã hoàn thành và quyết toán với chủ đầu tư dự án với thời hạn bảo hành 24 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng là 5% giá trị của dự án thực hiện.

Biến động về dự phòng phải trả trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	26.479.027.445	8.795.713.838
Tăng	31.518.407.109	17.683.313.607
Hoàn nhập (Thuyết minh 29)	(9.050.349.783)	-
Số dư cuối năm	<u>48.947.084.771</u>	<u>26.479.027.445</u>

17 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>4.513.864.205</u>	<u>3.873.670.034</u>

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.873.670.034	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 30)	640.194.171	3.873.670.034
Số dư cuối năm	<u>4.513.864.205</u>	<u>3.873.670.034</u>

17 THUẾ TNDN HOẢN LẠI (tiếp theo)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	2020 VND	2019 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.847.765.486	3.873.670.034
Khác	666.098.719	-
	<u>4.513.864.205</u>	<u>3.873.670.034</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2020 là 20% (2019: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

18 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.120.168.873	988.873
Tăng (Thuyết minh 20)	8.100.000.000	4.100.000.000
Sử dụng	(4.172.368.000)	(2.980.820.000)
Số dư cuối năm	<u>5.047.800.873</u>	<u>1.120.168.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2020		31.12.2019	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	21.599.998	-	21.599.998	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.599.998	-	21.599.998	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.599.998	-	21.599.998	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2020		31.12.2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.434.000	52,94	11.434.000	52,94
Các cổ đông khác	10.165.998	47,06	10.165.998	47,06
	21.599.998	100	21.599.998	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	21.599.998	215.999.980.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	215.999.980.000	9.850.000.000	16.881.930.064	119.661.749.879	362.393.659.943
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.362.239.145	37.362.239.145
Chia cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(15.119.998.600)	(15.119.998.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
Thưởng Ban điều hành (Thuyết minh 18)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	215.999.980.000	9.850.000.000	16.881.930.064	137.671.990.424	380.403.900.488
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	60.551.417.423	60.551.417.423
Chia cổ tức (Thuyết minh 21) (*)	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (*)	-	-	-	(7.800.000.000)	(7.800.000.000)
Thưởng Ban điều hành (Thuyết minh 18) (*)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(147.000.000)	(147.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	215.999.980.000	9.850.000.000	16.881.930.064	168.376.407.847	411.108.317.911

(*) Theo Nghị quyết số Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ LNST của năm 2019, cụ thể:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 7.800.000.000 Đồng;
- Thưởng Ban điều hành là 300.000.000 Đồng;
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 147.000.000 Đồng; và
- Chia cổ tức bằng tiền, với tỷ lệ 10% là 21.600.000.000 Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

21 CỐ TỨC

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	745.956.000	702.864.000
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	21.600.000.000	15.119.998.600
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(21.538.438.000)	(15.076.906.600)
Số dư cuối năm	<u>807.518.000</u>	<u>745.956.000</u>

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2020	2019 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	60.551.417.423	37.362.239.145
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(13.127.331.026)	(8.100.000.000)
	<u>47.424.086.397</u>	<u>29.262.239.145</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	21.599.998	21.599.998
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.196</u>	<u>1.355</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được ước tính dựa trên tỷ lệ phân bổ thực tế của quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước.

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 đã được tính lại theo số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	2019		Số liệu trình bày lại
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	37.362.239.145	-	37.362.239.145
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (Thuyết minh 20)	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
	<u>37.362.239.145</u>	<u>(8.100.000.000)</u>	<u>29.262.239.145</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	21.599.998	-	21.599.998
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.730</u>	<u>-</u>	<u>1.355</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ

	2020	2019
Ống thép (ống)	-	5.441
Anode (bộ)	-	156
	<u>-</u>	<u>5.597</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	2020	2019
Đô la Mỹ ("USD")	4.663,86	1.610,31
Euro ("EUR")	417,11	428,11
	<u>5.080,97</u>	<u>2.038,42</u>

(c) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

24 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần từ dịch vụ bọc ống	654.332.722.931	380.558.202.318
Doanh thu thuần từ dịch vụ lắp đặt dây chuyên, sơn ống và dịch vụ khác	40.805.558.635	2.057.207.848
	<u>695.138.281.566</u>	<u>382.615.410.166</u>

25 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của dịch vụ bọc ống	539.718.569.110	299.009.544.315
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt dây chuyên, sơn ống và dịch vụ khác	45.285.181.358	1.879.265.885
	<u>585.003.750.468</u>	<u>300.888.810.200</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	2.934.614.696	8.684.549.591
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	79.070.235	266.876.320
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	15.303.218
	<u>3.013.684.931</u>	<u>8.966.729.129</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	4.731.197.368	1.567.781.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	111.635.136	94.314.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	14.785.437	-
	<u>4.857.617.941</u>	<u>1.662.095.794</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	21.935.365.904	16.131.168.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.225.903.753	6.372.253.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	851.418.544	960.229.256
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.682.624.271	541.162.243
Chi phí khác	11.187.567.079	7.510.691.513
	<u>42.882.879.551</u>	<u>31.515.504.938</u>

29 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	9.050.349.783	-
Khác	113.776.446	875.698.585
	<u>9.164.126.229</u>	<u>875.698.585</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	-	(5.653.599.487)
Khác	(356.262.149)	(889.427.392)
	<u>(356.262.149)</u>	<u>(6.543.026.879)</u>
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>8.807.864.080</u>	<u>(5.667.328.294)</u>

30 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.215.582.617	51.848.400.069
Thuế tính ở thuế suất 20%	14.843.116.523	10.369.680.014
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	88.474.255	971.877.370
Dự phòng (thừa)/thiếu của những năm trước	(1.267.425.584)	3.144.603.540
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>13.664.165.194</u>	<u>14.486.160.924</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	14.304.359.365	18.359.830.958
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 17)	(640.194.171)	(3.873.670.034)
	<u>13.664.165.194</u>	<u>14.486.160.924</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.724.558.572	170.218.056.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.117.724.585	62.399.358.560
Chi phí nhân viên	55.720.751.938	41.441.769.073
Chi phí dự phòng	26.021.158.857	20.243.063.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.280.971.024	13.576.767.541
Chi phí khác	25.655.403.560	31.396.035.786
	<u>623.520.568.536</u>	<u>339.275.050.847</u>

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty toàn bộ đến từ cung cấp dịch vụ trong nội địa trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các năm tài chính trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bọc ống dầu khí. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần do nắm giữ 52,9% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm với Công ty như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chi nhánh của Công ty mẹ

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn

Công ty thành viên thuộc Tập đoàn

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

~~Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – Công ty Cổ phần~~

Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam – Chi nhánh miền Đông

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – miền Nam

Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Viện Dầu khí Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí - Xí nghiệp Xây lắp số 1

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ	515.304.167.458	131.354.892.813
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	115.063.974.686	4.815.743.107
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng CT Dầu khí Biên PTSC	2.397.082.673	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí - Xí nghiệp Xây lắp số 1	888.937.500	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	672.241.500	1.540.045.599
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	417.653.085	325.654.258
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	137.703.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	418.187.900	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	291.200.000	1.441.094.130
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	-	86.640.400
	<u>635.591.147.802</u>	<u>139.564.070.307</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	27.732.729.580	15.162.668.200
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.114.324.016	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	871.812.660	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	653.950.006	516.818.187
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	628.238.113	-
Viện Dầu khí Việt Nam	525.800.000	12.021.911.203
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật an toàn Dầu khí Việt Nam - PV EIC	110.240.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	59.278.182	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	17.990.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD	20.181.834	-
	<u>36.734.544.391</u>	<u>27.701.397.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.184.000.000	3.042.390.200

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 35)
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ	161.480.890.351	339.498.090.917
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	29.757.861.786	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.842.366.173	5.842.366.173
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.860.698.667	4.860.698.667
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	802.841.227	599.995.577
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	-	95.304.440
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	542.626.133
	<u>202.744.658.204</u>	<u>351.439.081.907</u>
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.967.915.400
iii) Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	1.486.760.870

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)		
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam - PV EIC	74.404.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	23.320.000	128.160.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	8.342.115.848
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	-	11.936.259.000
	<u>97.724.000</u>	<u>20.406.534.848</u>
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty TNHH Thiết bị hệ thống L.P.G	356.332.614	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ	-	121.324.090.195
	<u>356.332.614</u>	<u>121.324.090.195</u>

34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Đất	
	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	2.779.726.273	2.397.150.000
Từ 1 đến 5 năm	9.750.300.000	9.588.600.000
Trên 5 năm	21.328.781.250	26.091.450.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>33.858.807.523</u>	<u>38.077.200.000</u>

35 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã điều chỉnh giá trị dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 do cách tính toán trước đây không phù hợp và điều chỉnh giảm 82.943.101.083 Đồng doanh thu, tương ứng với 18.247.482.238 Đồng thuế TNDN và 8.294.310.108 Đồng thuế giá trị gia tăng phải nộp đã ghi nhận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục của số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chi tiết như sau:

	2019 VND
Giảm phải thu ngắn hạn của khách hàng	(48.685.898.914)
Tăng thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	26.541.792.346
Tăng phải trả ngắn hạn khác	(42.551.512.277)
Giảm LNST chưa phân phối của các năm trước	64.695.618.845


Ảnh hưởng việc trình bày lại trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:


Mã số	TÀI SẢN	2019		Số liệu trình bày lại VND
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	788.338.605.417	(22.144.106.568)	766.194.498.849
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	406.739.729.829	(48.685.898.914)	358.053.830.915
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	405.778.525.585	(48.685.898.914)	357.092.626.671
150	Tài sản ngắn hạn khác	20.202.593.473	26.541.792.346	46.744.385.819
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	26.541.792.346	26.541.792.346
270	TỔNG TÀI SẢN	856.328.423.786	(22.144.106.568)	834.184.317.218

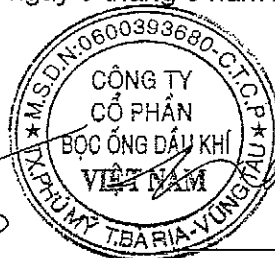
35 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	2019		Số liệu trình bày lại VND
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	
300	NỢ PHẢI TRẢ	411.228.904.453	42.551.512.277	453.780.416.730
310	Nợ ngắn hạn	393.800.226.791	42.551.512.277	436.351.739.068
319	Phải trả ngắn hạn khác	2.085.931.562	42.551.512.278	44.637.443.840
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	445.099.519.333	(64.695.618.845)	380.403.900.488
410	Vốn chủ sở hữu	445.099.519.333	(64.695.618.845)	380.403.900.488
421	LNST chưa phân phối	202.367.609.269	(64.695.618.845)	137.671.990.424
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	165.005.370.124	(64.695.618.845)	100.309.751.279
440	TỔNG NGUỒN VỐN	856.328.423.786	(22.144.106.568)	834.184.317.218

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 8 tháng 3 năm 2021.


 Mai Thị Hương Quỳnh
 Người lập


 Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng




 Lê Hồng Hải
 Giám đốc

Số: .07../TTr - HĐQT

Phủ Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch lợi nhuận năm 2021 như sau:

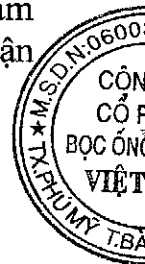
I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

1. Kết quả SXKD năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
1	Doanh thu hoạt động SXKD	Tỷ đồng	608.60	695.14
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60.80	74.21
3	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	35.90	50.17
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48.60	60.55
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	23%	28%

2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện năm 2020/Phương án đề nghị
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60.80	74.21
2	Thuế TNDN	Tỷ đồng	12.20	13.66



3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48.60	60.55
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	0	10.04
5	Thù lao HĐQT, BKS	Tỷ đồng	0.144	0.110
6	Thưởng Ban điều hành	Tỷ đồng	0	0.3
7	LN còn lại sau khi trích lập quỹ	Tỷ đồng	48.456	50.100
8	Chia cổ tức	Tỷ đồng	21.600	21.600
9	Lợi nhuận giữ lại năm nay	Tỷ đồng	26.856	28.500
10	Lợi nhuận giữ lại năm trước	Tỷ đồng	172.513	107.82
11	Tổng lợi nhuận giữ lại	Tỷ đồng	199.369	136.320
12	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%	10%

II. Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(12.19)
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(12.19)
3	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	3,26
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	0%

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, BGĐ (để biết);
- Lưu VT, TCHC, TCKT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỐC ÓNG ĐÁU KHÍ
VIỆT NAM

M.S.D.N: 060019880
T.B.ÁR.I.A.-V.ÚNG.T.ÁU

Lê Quyết Thắng

Số: 08./TTr-HĐQT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020
và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

I. Chi trả tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2020:

Mức chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt như sau:

1. Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch, thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành của Công ty.

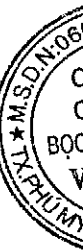
+ Thù lao Thành viên độc lập HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng

2. Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban chuyên trách, thành viên chuyên trách (nếu có) hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành của Công ty;

+ Trưởng ban kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng;

+ Thù lao Thành viên không chuyên trách: 2.000.000 đồng/tháng;



3. Tổng cộng tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2020 đã chi trả:

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng làm việc trong năm 2020	Thực hiện năm 2020			
				Tổng số tiền được ĐHCĐ năm 2020 phê duyệt	Quyết toán tiền lương đề nghị phê duyệt		Tiền thưởng
					Tiền lương	Tiền thù lao kiêm nhiệm	
1	Lê Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	12	723.596.710	920.163.961		48.817.934
2	Lê Hồng Hải	TV HĐQT, Giám đốc	12	719.978.069	915.562.305		48.573.800
3	Bùi Hữu Dương	TV HĐQT chuyên trách	12	662.014.012	841.852.135		44.663.217
4	Đào Văn Hưng	TV HĐQT chuyên trách	12	622.143.162	719.227.498		34.977.753
5	Vũ Tuấn Ngọc	TV độc lập HĐQT	12	48.000.000		48.000.0000	
6	Lê Đức Hòa	Trưởng BKS chuyên trách	7,4	400.287.542	401.399.904		19.521.037
7	Trịnh Mạnh Cường	Trưởng BKS kiêm nhiệm	4,6	12.000.000		13.950.000	
8	Phạm Thị Ánh Tuyết	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12	24.000.000		24.000.000	
9	Tô Thị Huyền	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12	24.000.000		24.000.000	
Tổng cộng:				3.236.019.495	3.798.205.803	109.950.000	196.553.741

2. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:

Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 được trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành của Công ty.

+ Thành viên độc lập HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng.

- Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban chuyên trách, Thành viên chuyên trách (nếu có) hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành của Công ty.

+ Thành viên không chuyên trách: 2.000.000 đồng/tháng;

- Kế hoạch chi trả tiền lương của HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chức danh	Số người	Tổng số tiền	Trong đó	
				Tiền lương	Tiền thù lao kiêm nhiệm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty	2	973.842.890	973.842.890	
2	Thành viên HĐQT chuyên trách	2	864.132.821	864.132.821	
3	Thành viên độc lập HĐQT	1	48.000.000		48.000.000
4	Trưởng BKS chuyên trách	1	379.867.794	379.867.794	
5	Kiểm soát viên	2	48.000.000		48.000.000
	Tổng cộng	8	2.313.843.505	2.217.843.505	96.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỘ CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
VIỆT NAM
Lê Quyết Thắng



Số: .09.../TTTr - HĐQT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Nhằm tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020, các quy định của Chính phủ và Bộ tài chính; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua “Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty” (theo Nội dung đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận;

- Như trên;
- Lưu VT.

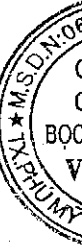
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quyết Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN BỐC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM



Phủ Mỹ, ngày tháng 04 năm 2021.

MỤC LỤC
PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày: Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu: "*ngày 31 tháng 08 năm 2007*";;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

PETROVIETNAM COATING JOINT STOCK COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt: **PV Coating;**



- Logo của Công ty:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Điện thoại: 0254.3924456 – 0254.3924457.

- Fax: 0254.3924455.

- Email: thongtin@pvcoating.vn.

- Website: www.pvcoating.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một [1] người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp và trong Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp – đô thị và dịch vụ;
- Các dịch vụ hậu cần, xuất nhập khẩu thiết bị vật tư hàng hoá phục vụ cho các dự án trong và ngoài nước;
- Kinh doanh các dịch vụ trong Khu công nghiệp, đô thị.
- Đầu tư Xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành Dầu khí, hoá chất, nhà máy Xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, bãi cảng, máy, thiết bị thi công. Cung ứng nhân lực.
- Tư vấn đầu tư các công trình Dầu khí. Giám sát thi công các công trình công trình Xây dựng và công nghiệp;
- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, thi công, xây lắp (kể cả EPC - Nhận thầu trọn gói) các công trình Dầu khí, công trình cảng, đường thủy, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình biển và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia công đường ống, bảo dưỡng sửa chữa tàu thuyền và các loại phương tiện nổi;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp. Lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa xăng dầu, khí hoá lỏng, nước, bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV, điện dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, siêu thị và nhà ở;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình; khảo sát địa hình công trình.
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; lập dự án và quản lý dự án đầu tư.
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật và cấp chứng chỉ chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bọc bê tông gia trọng và bồn bể chứa.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm và phù hợp với định hướng của PVGAS.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Thu lợi nhuận tối đa;
- b) Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;
- c) Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
- d) Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- e) Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 215.999.980.000 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 21.599.998 (hai mươi một triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi tám ngàn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày [30] kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng [02] kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ

trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được

thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ

trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các

thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm [05] người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành

viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong số năm (05) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, các hợp đồng giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 167 Luật

Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác

thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp để biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [30 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu [30.] chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 58 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, địa chỉ tại đường 2b, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc

Lê Hồng Hải

Số: .10..../TTTr - HDQT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc: Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Nhằm tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020, các quy định của Chính phủ và Bộ tài chính; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (theo Nội dung đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Số:...../QĐ - HĐQT

Phủ Mỹ, ngày tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế nội bộ
về quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... /NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Bọc ống Dầu khí Việt Nam như Quy chế đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày .../.../2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

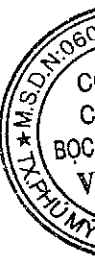
Điều 3. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS Cty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Quyết Thắng



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

- Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

+ Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

+ Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

+ Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty niêm yết.

d) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

đ.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- Các công việc khác phục vụ đại hội.

đ.2. Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản đ.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản đ.2 Điều này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản đ.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản đ.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định nói trên phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

+ Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

h) Điều kiện tiến hành;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

k) Cách thức bỏ phiếu;

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

l) Cách thức kiểm phiếu;

- Ban kiểm phiếu tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các vấn đề đã được thông qua;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- + Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

q) Nghị quyết của ĐHCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, về quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được gửi cho tất cả các cổ đông đủ điều kiện tham gia theo quy định, được công bố thông tin và đăng tải trên website của Công ty.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Cổ đông sau khi nhận được thư/thông báo mời họp Đại hội cổ đông trực tuyến, phải xác nhận tham dự Đại hội đồng thời đăng ký số điện thoại di động và thư điện tử cá nhân cổ đông tham dự Đại hội, thông qua fax, thư điện tử gửi về cho ban tổ chức Đại hội của Công ty theo địa chỉ đã được thông báo trong thư mời.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc cổ đông là cá nhân sau khi nhận được thư/thông báo mời họp Đại hội cổ đông trực tuyến, phải xác nhận tham dự đồng thời đăng ký số điện thoại di động và email cá nhân cổ đông tham dự Đại hội, thông qua fax, thư điện tử gửi về cho ban tổ chức Đại hội của Công ty theo địa chỉ đã được thông báo trong thư mời.

d) Điều kiện tiến hành;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký, xác nhận dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

+ Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn của Công ty và được Công ty gửi cho các cổ đông tham dự Đại hội trước khi tiến hành biểu quyết.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến được thực hiện thông qua hệ thống phần mềm kiểm phiếu được Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn, áp dụng và được công bố thông tin rộng rãi trước khi cổ đông bỏ phiếu.

h) Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Thư ký Đại hội công bố ngay tại Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian;

- Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

- Chương trình họp, nội dung và hình thức họp cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông dự họp trực tuyến, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

+ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

+ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- + Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu (nếu có) của Công ty;
- + Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- + Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
- + Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- + Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- + Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- + Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người;

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

+ Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

+ Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

+ Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

e) Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin của Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty

g) Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị;

g.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền

đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

g.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị
- Trường hợp khác: vì lợi ích của Công ty hoặc có các đề xuất của Giám đốc Công ty cần có ý kiến của HĐQT Công ty phê duyệt/chấp thuận.

Đề nghị theo các quy định nói trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp để biểu quyết tại cuộc họp.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không

đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

e) Cách thức biểu quyết;

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản h Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

g) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian, địa điểm họp;
- + Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên dự họp có quyền biểu quyết và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải được thông báo tới Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Đơn vị trong Công ty có liên quan để triển khai thực hiện.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định;

b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định:

- Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định.

- Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định..

c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị phê duyệt.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện khi;

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Người quản trị Công ty, quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có vai trò kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán thuế doanh nghiệp, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ công ty, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát của Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, gồm có 1 trưởng ban và 2 kiểm soát viên.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

- + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - + Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

g) Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

- Tuyển dụng lao động;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc; Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc;

Việc ứng cử, đề cử Giám đốc được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty.

- Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, thư điện tử, hệ thống phần mềm quản lý văn bản của Công ty đang áp dụng và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên được thông báo mời họp.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian, địa điểm họp;

+ Mục đích, chương trình và nội dung họp;

+ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

+ Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

+ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

+ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên dự họp có quyền biểu quyết và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải được thông báo tới Ban kiểm soát, để theo dõi, giám sát thực hiện.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải được thông báo cho Giám đốc và các Đơn vị trong Công ty có liên quan để triển khai thực hiện.

d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho HĐQT để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời;

Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với Pháp luật hiện hành thì Giám đốc báo cáo HĐQT để HĐQT điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;

Những nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

đ) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc như được quy định tại Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT biết;

Hàng tháng, quý, sáu (06) tháng, chín (09) tháng và hàng năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho HĐQT, kiến nghị những vấn đề cần được HĐQT giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;

e) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, năm.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của BKS là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

- BKS thay mặt ĐHĐCĐ giám sát HĐQT trong quản lý và điều hành Công ty. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng

trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông;

- BKS có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của HĐQT theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ; thẩm tra hiệu quả quản lý của HĐQT;

- BKS có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;

- BKS có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- Khi phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

- BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCĐ.

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, cụ thể bao gồm:

- Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược được HĐQT thông qua;

- HĐQT cùng với Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra;

h) Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

Quan hệ phối hợp:

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa BKS và Ban Giám đốc. Ban Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, BKS chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành.

Quan hệ kiểm soát và giám sát:

- BKS có quyền yêu cầu Ban Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

- BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý;

- BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các

vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

- Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ;

- Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, BKS thông báo bằng văn bản cho Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc ;

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp.

- Việc thực hiện đánh giá cán bộ hàng năm thực hiện theo quy định tại Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Quyết Thắng

Số: 11.../TTTr - BKS

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của
Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.



Lê Đức Hòa

Phú Mỹ, ngày ... tháng 04 năm 2021.

Dự thảo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 04 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;
- h) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

1. Quan hệ phối hợp:

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Giám đốc. Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Giám đốc trong hoạt động điều hành.

2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:

a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và người điều hành khác ;

c) Ban kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Giám đốc và người điều hành khác hoặc yêu cầu Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông;

d) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;

e) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;

f) Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ;

g) Các báo cáo Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban kiểm soát;

h) Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

i) Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này;

j) Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Mọi quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ với hoạt động quản trị Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành;

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty; Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương, chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ phối hợp:

a) Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;

b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát – giám sát:

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Công ty, chủ yếu là các nội dung sau:

a) Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông;

b) Ban kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông;

d) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

f) Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất;

g) Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị;

h) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;

i) Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Các mối quan hệ làm việc khác của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành của Pháp luật.

2. Quan hệ với cổ đông

a) Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm tra, giám sát, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát cho cổ đông lớn và phối hợp với cổ đông lớn trong các cuộc kiểm tra;

c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của cổ đông lớn kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15

(mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và cổ đông lớn. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Quan hệ với các Phòng chuyên môn của Cơ quan điều hành Công ty

a) Các Phòng chuyên môn phải phối hợp làm việc, giải trình những nội dung mà Ban kiểm soát nhận thấy cần làm rõ trong các văn bản gửi đến Hội đồng quản trị có liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông. Trong trường hợp có những vấn đề Ban kiểm soát có ý kiến nhưng các Phòng chuyên môn vẫn bảo lưu quan điểm thì các Phòng phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và Pháp luật nếu những vấn đề đó ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và cổ đông;

b) Các Phòng chuyên môn phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

c) Các Phòng chuyên môn phải cung cấp các biên bản, kết quả làm việc của các đoàn kiểm tra của Công ty và của cơ quan cấp trên (thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đoàn kiểm tra của Tổng Công ty) cho Ban kiểm soát đồng thời với Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d) Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định Pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng..... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Đức Hòa

Số: .121.../TTTr - HĐQT

Phủ Mỹ, ngày 09 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: **Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Nhằm tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020, các quy định của Chính phủ và Bộ tài chính; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (theo Nội dung đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận;

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỌC ỚNG DẦU KHÍ
VIỆT NAM
L. QUÝT THẮNG



Số:...../QĐ - HĐQT

Phú Mỹ, ngày tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... /NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam như Quy chế đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 11/12/2015 và Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty.

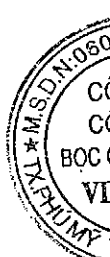
Điều 3. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS Cty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Quyết Thắng



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có [05 thành viên] được quy định tại Điều 26, Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của

Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành

viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên dự họp có quyền biểu quyết và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

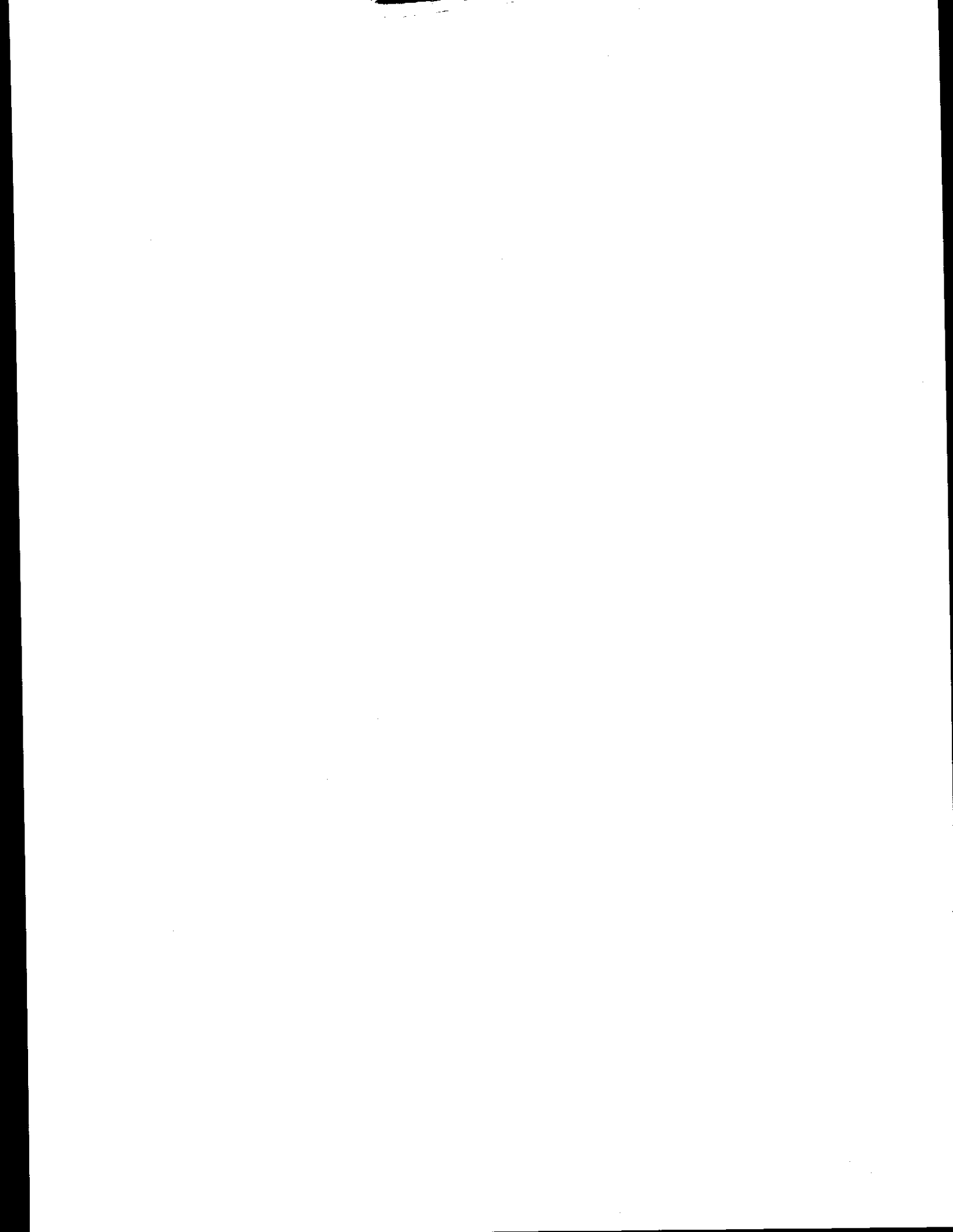
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị



1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Quyết Thắng

